

Số: 37 /KH-THMN

Mường Nhà, ngày 15 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
Năm học 2025-2026

Căn cứ công văn số 2195/SGDDT-TĐ, ngày 14/8/2024 của sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai hướng dẫn nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2024– 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 1091/PGDDT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 1269/PGDDT- CM, ngày 11/9/2024 của Phòng GDĐT huyện Điện Biên về việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024-2025 của trường Trường PTDTBT TH xã Mường Nhà, nhà trường xây dựng kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin năm học 2024-2025 như sau:

I. QUI MÔ TRƯỜNG LỚP- THUẬN LỢI KHÓ KHĂN

1. Đội ngũ CBCC

+ Tổng số CB,GV, NV: 42 đồng chí; (Trong đó: Cán bộ quản lí: 2; giáo viên bộ môn 34; nhân viên 6).

+ Qui mô trường lớp: Tổng số lớp: 23; với 538 học sinh

Số lớp được học tin học: 12 lớp, số học sinh: 303 HS

Số máy tính phục vụ dạy học: 32

Số máy chiếu: 12

Phòng máy: 02 phòng

- Tổ CNTT xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT năm học 2024-2025.

Tổ CNTT gồm:

Tổ trưởng: Nguyễn Trọng Toàn

Tổ phó: Vì Văn Biền

Các ủy viên: Tòng Văn Chính

Trịnh Xuân Hải

Tòng Thị Ngoai

Tòng Thị Kiên

- Các phần mềm đang sử dụng:

Số đầu mạng: 02

2. Thuận lợi và khó khăn:

2.1 Thuận lợi:

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo phòng Giáo dục huyện Điện Biên đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị như máy tính, máy chiếu, phòng máy.

- Có đủ biên chế CBGV- CNV, đội ngũ luôn giữ vững khối đoàn kết nội bộ, yên tâm công tác, chấp hành tốt các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

- Đội ngũ CBGV có trình độ tin học theo quy định, có khả năng sử dụng máy tính và khai thác mạng để phục vụ công tác quản lý và dạy học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2.2. Khó Khăn:

- Một số đồng chí cán bộ giáo viên tuổi đã cao vì vậy việc tiếp cận với công nghệ thông tin, sử dụng các thiết bị như máy tính, máy chiếu, khai thác mạng còn hạn chế.

- Một số đồng chí cán bộ giáo viên còn ngại sử dụng các thiết bị dạy học UDCNTT.

- Hệ thống trang thiết bị như máy tính, máy chiếu trang cấp đã qua sử dụng nhiều năm nên cũ và đã xuống cấp.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết định số: 13/NQ-TU ngày 01/10/2021 của tỉnh ủy Điện Biên về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1905/KH-UBND, ngày 02/7/2020 của

UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch số 832/KH-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường UDCNTT ngành giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt đề án chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 585/KH-UBND, ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện đề án phát triển ứng dụng giữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 87/KH-UBND, ngày 23/02/2024 của UBND huyện triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Điện Biên năm 2024.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 1012/KH-SGDĐT, ngày 29/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 902/KH-SGDĐT ngày 20/4/2022 của sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện đề án phát triển dữ liệu dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 ngành giáo dục.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy và học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập quốc gia, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành gồm: hồ sơ sổ sách điện tử, học bạ điện tử, bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, SGK điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học..

4. Xây dựng nền tảng chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục.

5. Rà soát chuẩn hóa các hệ thống phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý, dạy và học trong nhà trường, tránh lạm dụng triển khai chồng chéo, chùng lập, gây

lãng phí, khai thác kém hiệu quả, mất nhiều công sức khi vận hành sử dụng, nghiên cứu triển khai thống nhất, tích hợp đồng bộ các hệ thống theo khung kiến trúc chính quyền điện tử của ngành, của huyện, tỉnh kết nối liên thông, tích hợp các hệ thống cơ sở dữ liệu khác theo yêu cầu.

6. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, dịch vụ tuyển sinh đầu cấp; dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ.

7. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó đẩy mạnh hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt..

8. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo đạt chuẩn về trình độ, tiếp cập và làm chủ công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và hội nhập; nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, năng lực CNTT; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

9. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu trong toàn ngành.

10. Tăng cường nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai UDCNTT và chuyển đổi số trong GS&ĐT.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số:09/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/3/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung sau:

Duy trì và sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với HS 9vaf cha mẹ HS) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị cơ sở giáo dục.

Triển khai xây dựng phần mềm kho học liệu số tại phòng GDĐT, cơ sở giáo dục theo hướng đồng bộ, liên thông. Kho học liệu bao gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, SGK điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả kho học liệu dùng chung của ngành, của sở GDĐT, Bộ GDĐT trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đối với những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung thực tế gắn với công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, kỹ năng đảm bảo an toàn an ninh thông tin...

Rà soát, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản, phục vụ dạy môn Tin học: Tối đa 2-3 HS chung 1 máy tính.

Triển khai hệ thống thư điện tử, kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

Triển khai đồng bộ giải pháp phần mềm quản lý tuyển sinh đầu cấp, quản lý thi, xét tuyển sinh, thi chọn HS giỏi các cấp, phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục đồng bộ từ phòng GDĐT đến các cơ sở giáo dục. Phần mềm phải được liên thông và khai thác cơ sở dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT, của tỉnh.

Ưu tiên kinh phí, nhân lực, hạ tầng để triển khai phòng học thông minh tại các nhà trường đáp ứng yêu cầu về CSVC và nhân lực vận hành, khai thác, sử dụng.

2. Chuyển đổi số trong dạy quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục.

Tiếp tục duy trì, triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục tới 100% CBGV, NV, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý HS, quản lý đội ngũ cán bộ, quản lý CSVC, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe HS, quản lý kế toán; đảm bảo kết nối thông tin thông suốt với cơ sở dữ liệu giáo dục địa

phương và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; tích hợp đăng nhập xác thực bằng tài khoản định danh điện tử cho CBGV trên ứng dụng VneID của Bộ công an.

Triển khai ứng dụng hồ sơ điện tử như sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử, chữ ký số điện tử, triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của cơ sở giáo dục.

Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ định danh cá nhân của GV và HD; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của HS trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục của Bộ và của tỉnh theo từng kỳ.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục phổ thông cấp trường, phòng, sở GDDT đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác, nội dung theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý, tra cứu văn bằng chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành quy chế quản bằng tốt nghiệp THCS, bằng THPT, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

a, Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển HS đầu cấp và dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình.

b, Đẩy mạnh thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu theo phương thức không dùng tiền mặt thông qua giải pháp phần mềm quản lý thống nhất trong toàn ngành. Ưu tiên sử dụng các hình thức thanh toán trực tuyến; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN.

1. Công tác truyền thông.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động giáo dục; phổ biến, tuyên truyền tới CBGV, HS về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng, chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia, Ngày chuyển đổi số tỉnh Điện Biên vào ngày 10/10 hàng năm.

2. Về tổ chức, quản lý, triển khai

Rà soát, ban hành đầy đủ các quy chế, quy định về quản lý, duy trì và khai thác sử dụng hệ thống CNTT, hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với hệ thống phần mềm triển khai tại đơn vị; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý, sử dụng hệ thống; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT.

- Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng UDCNTT cho đội ngũ CBGV nhà trường đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ, chú trọng đến ổn định cán bộ phụ trách CNTT của trường.

- Khuyến khích cán bộ giáo viên nhà trường trong việc tự học, tự nghiên cứu nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng UDCNTT trong công việc. Chủ động tiếp cận, làm quen với các nội dung chuyển đổi số và ứng dụng nó trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thành lập tổ CNTT xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên.

- Cán bộ phụ trách CNTT bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được quy định tại Thông tư số 03/2014/BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông, đáp ứng yêu cầu phát triển các nhiệm vụ CNTT.

- Nâng cao năng lực UDCNTT, kỹ thuật khai thác sử dụng các phần mềm trình chiếu, hỗ trợ soạn bài giảng tương tác, mô phỏng thí nghiệm ảo... kỹ năng xây dựng bài giảng E-learning, sách giáo khoa điện tử, kỹ năng khai thác nguồn học liệu tìm kiếm thông tin trên Internet... kỹ năng cài đặt hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng cơ bản, kỹ năng sửa chữa khắc phục hỏng hóc đơn giản của máy tính, thiết bị CNTT phục vụ dạy – học.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Rà soát hệ thống máy tính để bảo trì, nâng cấp, sửa chữa, thay thế các máy tính đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, bố trí phân bổ hợp lý số lượng để đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; phủ sóng Wifi.

Nghiên cứu tham mưu, triển khai mô hình phòng học thông minh, trường học thông minh đáp ứng yêu cầu.

Chủ động tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, GV, HS; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho HS và GV ở những nơi khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet cho HS, GV và nhà trường dạy học trực tuyến.

Có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục. Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo an toàn, an ninh bảo mật thông tin dữ liệu, phổ biến quán triệt rộng rãi trong CBGV kiến thức, kỹ năng, quy định về an toàn dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin trong quá trình sử dụng Internet và hoạt động của Website các nhà trường và mạng xã hội....

5. Về thi đua, khen thưởng

Kịp thời khen thưởng các cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Xử lý các trường hợp không hoàn thành nội dung nhiệm vụ hoặc vi phạm quy chế hoạt động thuộc lĩnh vực ứng dụng CNTT. Xem xét đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, Đề án 06 thành một trong các tiêu chí đánh giá thi đua cho đơn vị, các nhân trong năm học.

V. THÔNG TIN BÁO CÁO

1. Đầu năm học

- Cập nhật CSDLQG.
- Quản lý trường học (SMAS)
- PCGDTH- XMC

2. Cuối học kỳ I

- Cập nhật CSDLQG.
- Quản lý trường học (SMAS)

3. Cuối năm học

- Cập nhật CSDLQG.
- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, Đoàn thể và các tổ trưởng tổ Chuyên môn, thường xuyên theo dõi, đôn đốc giáo viên, nhân viên tích cực thực hiện tốt nội dung kế hoạch này.

- Định kì cuối học kỳ I và cuối năm học Ban Chỉ đạo Ứng dụng công nghệ thông tin phải có cáo báo cáo sơ kết, tổng kết công tác ứng dụng công nghệ thông tin và tham mưu cho Ban Giám hiệu làm báo cáo gửi về Phòng Giáo dục & Đào tạo.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT và NCKH năm học 2024-2025 của Trường PTDTBT TH xã Mường Nhà, yêu cầu 100% CB, GV, các tổ chuyên môn nghiêm túc thực hiện kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT(b/c);
- Toàn trường(để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nông Quỳnh Lưu